TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 23, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh **Tạ Công L**, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 23, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị B có mặt, anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tạ Công L tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tạ Công L không chịu lo làm ăn mà tụ tập nhậu nhẹt bên ngoài rồi về nhà gây gỗ, cãi vã, đánh đập vợ con. Ngoài ra, anh L còn có quan hệ tình cảm và đang chung sống với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng và đã bỏ qua cho anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Công L.

Về con chung: Chị và anh Tạ Công L có 01 con chung là Tạ Thị Thu T, sinh năm 1996, hiện nay đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Tạ Công L nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại thời điểm chị Nguyễn Thị B xin ly hôn thì anh Tạ Công L đang cư trú tại Tổ 23, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý vụ án "Ly hôn" theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Tạ Công L tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp, có căn cứ xác định: Chị Nguyễn Thị B và anh Tạ Công L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống như vợ chồng, giữa anh L và chị B phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị B trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không quan tâm đến gia đình, không lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt bên ngoài rồi về nhà gây gỗ, đánh đập vợ, con; ngoài ra, anh L còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay chị B không còn tình cảm vợ chồng với anh L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tạ Công L để ổn định cuộc sống.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù chị Nguyễn Thị B và anh Tạ Công L có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay. Tuy nhiên, từ khi chung sống như vợ chồng đến nay, chị B và anh L không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ

Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Tạ Công L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Tạ Công L có 01 con chung là Tạ Thị Thu T, sinh năm 1996, hiện nay đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị B và anh Tạ Công L.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Tạ Công L có 01 con chung là Tạ Thị Thu T, sinh năm 1996, hiện nay đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002138 ngày 05-4-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Tạ Công L

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Q;
- Chi Cục THADS Tp. Q;
- UBND Phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong